TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Trung Quân**;

2. Ông **Nguyễn Trọng Khương**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Xuân Vinh** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Yến**.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Mộng C, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: Số 974A Lò G, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh;

Chổ ở hiện nay: Số 933/2 Lò G, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Chị C xin vắng mặt; Anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mộng C*:**

Sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật và được Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 063/2010 vào ngày 22/4/2010.

Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 22/02/2010 và Phạm Quốc K, sinh ngày 02/8/2014. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, làm cho đời sống hôn nhân không có hạnh phúc.

Chị C đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm với anh D để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con nhỏ nhưng anh D vẫn không thay đổi tính tình nên chị và anh D đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng C yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn D;

- Về con chung: Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu K và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.***

* ***Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau*:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng C giữ nguyên toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện; không có sửa đổi, bổ sung gì khác.

- Bị đơn anh Phạm Văn D:

+ Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án;

+ Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về chứng cứ vắng mặt anh D và vụ án không tiến hành hòa giải được.

+ Anh D không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên họp chứng cứ.

* ***Tại phiên toà*:**

- Chị Nguyễn Mộng C xin vắng mặt;

- Anh Phạm Văn D vắng mặt.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm*:**

- Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị

xét xử và đưa vụ án ra xét xử cũng như là trình tự, thủ tục tại phiên toà. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về vi phạm thủ tục tố tụng.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng C và anh Phạm Văn D có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và không thể hàn gắn được nên xét thấy cần cho chị C ly hôn với anh D;

+ Về con chung: Các cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 22/02/2010 và Phạm Quốc K, sinh ngày 02/8/2014 hiện đang sống với chị C và vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, tại các bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần tiếp tục giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh Linh cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến gì về tài sản chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Toà án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

**** Về thủ tục tố tụng*:**

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Mộng C và anh Phạm Văn D có đăng ký kết hôn. Chị C yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh D nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Văn D cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Mộng C: Chị C có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án và yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn D: Anh D đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung vụ án*:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng C yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn D.

[4.1] Chị Nguyễn Mộng C và anh Phạm Văn D tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng khi đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 063/2010 ngày 22/4/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Chị C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị C đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn và tìm cách hàn gắn nhưng anh D vẫn không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C, cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[4.4] Từ các vấn đề nêu trên có thể nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh D là có tồn tại nhưng anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm giữa anh D và chị C không còn, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C yêu cầu được ly hôn với anh D là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Mộng C và anh Phạm Văn D có với nhau 02 con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 22/02/2010 và Phạm Quốc K, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[5.1] Anh D vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị C. Từ khi ly thân chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và hiện các cháu vẫn đang phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, tại các bản tự khai, cháu H và cháu K đều trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, việc giao cháu H và cháu K cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là cần thiết và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Vì giao con cho chị C nuôi dưỡng nên anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị C, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.3] Khi nuôi con, nếu các đương sự có tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung:

[6.1] Chị Nguyễn Mộng C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh Phạm Văn D không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6.2] Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng C.

[9] Chị Nguyễn Mộng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Mộng C được ly hôn với anh Phạm Văn D.

2. Về con chung:

- Giao các con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 22/02/2010 và Phạm Quốc K, sinh ngày 02/8/2014 cho chị Nguyễn Mộng C trực tiếp nuôi dưỡng;

- Ghi nhận việc chị Nguyễn Mộng C không yêu cầu anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con;

- Anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Mộng C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002657 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên chị C đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Mộng C và anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND Phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Phong Hiếu